

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1- LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

Bản án số: 33/2025/HNGĐ - ST

Ngày: 12/9/2025

V/v tranh chấp "Ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Minh

2. Bà Bùi Thị Lan

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Quang- Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1- Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 255/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/7/2025, thông báo mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Thu B**, sinh năm 1983. Có mặt

Địa chỉ: Tổ T, TP, Phường Lâm Viên- Đà Lạt, Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Vũ Đình Tiến Th**, sinh năm 1978. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ T, TP, Phường Lâm Viên- Đà Lạt, Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trương Thị Thu B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Thu B và ông Vũ Đình Tiến Th đăng ký kết hôn ngày 14/10/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Đà Lạt, Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện và chưa tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Phường 12, Đà Lạt. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc trong khoảng 02

năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Th thường xuyên uống rượu về đánh đập bà và có khi xúc phạm cả gia đình bà, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hay cãi vã nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện tại bà cảm thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, bà không còn tình cảm dành cho ông Th, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: bà và ông Th có 03 con chung là Vũ Đình Phước S, sinh ngày 02/10/2015, Vũ Đình Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2008, Vũ Đình Tiến Đ, sinh ngày 11/9/2010. Ly hôn bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 con và không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn ông Vũ Đình Tiến Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà B kết hôn năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Đà Lạt. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại Thái Phiên, Phường 12, Đà Lạt. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên nguyện vọng của ông là được ly hôn.

Về con chung: ông Th và B có 03 con chung là Vũ Đình Phước S, sinh ngày 02/10/2015, Vũ Đình Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2008, Vũ Đình Tiến Đ, sinh ngày 11/9/2010. Hiện các con đang ở với ông bà, ly hôn ông chấp nhận để 03 con được ở với mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con thì ông và bà B tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông bà không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà B xác định không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà B cho bà B và ông Th được ly hôn, về con chung: Giao cả 03 con chung cho bà B được trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Không xem xét giải quyết về phần nợ chung và tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Giữa bà Trương Thị Thu B và ông Vũ Đình Tiến Th có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Đà Lạt. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Th, nên xác định quan hệ tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật dân sự năm 2015; bị đơn cư trú tại Phường 12 Đà Lạt (nay là Lâm Viên- Đà Lạt) nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1- tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Th đã được triệu tập hợp lệ trong quá trình giải quyết vụ án nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 cần xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Trương Thị Thu B và ông Vũ Đình Tiến Th có đăng ký kết hôn ngày 14/10/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 12, Đà Lạt trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án cả bà B và ông Th đều thừa nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn nên cả bà B và ông Th đều có nguyện vọng ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà B và ông Th đã trầm trọng kéo dài, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B cho bà B và ông Th được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3.2] Về con chung: bà B và ông Th đều thừa nhận vợ chồng có 03 con chung là Vũ Đình Phước S, sinh ngày 02/10/2015, Vũ Đình Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2008, Vũ Đình Tiến Đ, sinh ngày 11/9/2010. Ly hôn bà B yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến khi con thành niên. Ông Th cũng đồng ý giao cả 03 con cho bà B. Đồng thời, cả 03 con chung hiện đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được ở với bà B. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà B giao cả 03 con chung là Vũ Đình Phước S, sinh ngày 02/10/2015, Vũ Đình Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2008, Vũ Đình Tiến Đ, sinh

ngày 11/9/2010 cho bà B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con thành niên là phù hợp.

Việc cấp dưỡng nuôi con bà B Không yêu cầu Toà án giải quyết và ông Th cũng có ý kiến để ông và B tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: bà B và ông Th xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: bà B và ông Th xác định không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: bà B phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của nguyên đơn bà Trương Thị Thu B đối với bị đơn ông Vũ Đình Tiến Th.

Xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị Thu B và ông Vũ Đình Tiến Th được ly hôn.

2/Về con chung: Giao 03 con chung tên Vũ Đình Phước S, sinh ngày 02/10/2015, Vũ Đình Tiến Ph, sinh ngày 23/12/2008, Vũ Đình Tiến Đ, sinh ngày 11/9/2010 cho bà Trương Thị Thu B có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên.

Ông Vũ Đình Tiến Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3/Về án phí: Bà Trương Thị Thu B phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) bà B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0002093 ngày 06/5/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt (nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Lâm Đồng). Bà B đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 1- LĐ;
Phòng THA khu vực 1- Lâm Đồng;
- UBND Phường Lâm Viên- Đà Lạt;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Thị Phương Chi